

BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN

Khoa: Luật

Bậc học: ĐẠI HỌC

Tên học phần: Luật Kinh tế Việt Nam 2

Học kì:..... Năm học:.....

Địa điểm học tập: Tòa nhà D, 193 Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội

Mã DS: 2997

Ngành học: Luật kinh tế

Hệ đào tạo: Đại học Chính qui

Mã học phần: CNBLK15

Ngày thi: 26/09/2016

Phòng thi: P2.1

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP CN	ĐIỂM			ĐIỂM HỌC PHẦN	GHI CHÚ
					Chuyên cần	Giữa kỳ	Thi		
1	14A51010041	Đào Mai Anh	24/05/1996	KT1402	10	9	6	7.1	
2	14A51010029	Hoàng Thị Vân Anh	24/10/1995	KT1402	10	9	6	7.1	
3	14A51010101	Nguyễn Trương Việt Anh	13/09/1993	KT1402	10	9	8	8.5	
4	14A51010106	Trần Nam Anh	04/02/1996	KT1402	10	7	7	7.5	
5	14A51010018	Nguyễn Anh Chiến	31/07/1996	KT1402	10	6	2	3.8	
6	14A51010060	Nguyễn Thị Phương Chinh	03/08/1996	KT1402	7	9	4	5.2	
7	14A51010023	Đỗ Mạnh Cường	27/08/1996	KT1402	10	5	3	4.4	
8	14A51010051	Phan Thị Kim Dung	01/04/1996	KT1402	10	8	8	8.3	
9	14A51010024	Bành Thị Hà	06/04/1996	KT1402	10	8	5	6.2	
10	14A51010109	Hoàng Thị Hà	24/06/1995	KT1402	10	8	6	6.9	
11	14A51010026	Nguyễn Thị Thu Hà	20/01/1996	KT1402	10	9	8	8.5	
12	14A51010044	Lê Ngọc Hải	27/01/1996	KT1402	10	5	4	5.1	
13	13A51010065	Nguyễn Thị Thu Hiền	10/06/1995	KT1402	4	9	0	2.0	
14	14A51010011	Trần Thu Hiền	17/01/1996	KT1402	10	7	5	6.1	
15	14A51010056	Phùng Thị Minh Huệ	18/11/1996	KT1402	10	8	5	6.2	
16	14A51010092	Lò Minh Huyền	25/12/1996	KT1402	10	9	8	8.5	
17	14A51010001	Trần Khánh Hưng	13/09/1996	KT1402	10	7	6	6.8	
18	14A51010078	Nguyễn Tùng Lâm	04/10/1996	KT1402	10	7	7	7.5	
19	14A51010053	Nguyễn Bảo Linh	08/07/1995	KT1402	10	9	8	8.5	
20	14A51010028	Lê Nhân Lực	02/10/1996	KT1402	10	6	4	5.2	
21	14A51010038	Lương Thị Quỳnh Nga	01/07/1996	KT1402	10	8	7	7.6	
22	14A51010025	Cao Việt Nhật	09/12/1994	KT1402	10	6	7	7.3	
23	14A51010055	Phạm Thị Kiều Oanh	02/05/1995	KT1402	10	8	6	6.9	
24	14A51010009	Đoàn Phương Thảo	09/08/1996	KT1402	10	9	5	6.4	

Mã DS: 2997

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP CN	ĐIỂM			ĐIỂM HỌC PHẦN	GHI CHÚ
					Chuyên cần	Giữa kỳ	Thi		
25	14A51010022	Vũ Thị Hồng Thơm	19/03/1995	KT1402	10	8	5	6.2	
26	14A51010105	Lương Thị Hiền Thục	01/05/1995	KT1402	10	8	8	8.3	
27	14A45010134	Nguyễn Quỳnh Trang	24/03/1996	KT1402	7	9	0	2.4	
28	14A51010065	Nguyễn Thị Trang	07/04/1996	KT1402	10	9	8	8.5	
29	14A51010005	Phạm Thị Kiều Trang	04/10/1996	KT1402	10	9	8	8.5	
30	14A51010076	Tạ Thị Trang	08/03/1996	KT1402	10	9	8	8.5	
31	14A51010016	Nguyễn Thị Tuyết Trà	26/08/1996	KT1402	10	9	6	7.1	
32	14A51010034	Đinh Thị Kiều Trinh	07/05/1996	KT1402	10	9	5	6.4	
33	14A51010052	Bùi Thanh Tùng	20/06/1996	KT1402	10	9	7	7.8	
34	14A51010074	Nguyễn Văn Tùy	08/06/1996	KT1402	10	6	6	6.6	
35	14A51010070	Nguyễn Thị Yến	15/05/1995	KT1402	10	9	6	7.1	

Số SV có trong danh sách: 35 Số SV đạt yêu cầu: 31 Số SV không đạt yêu cầu: 4

Lập biểu

Hà Nội, ngày tháng năm 20.....

CHỦ NHIỆM KHOA

Lê Quang Mạnh
14:20:20 11/10/2016